TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh và bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: ông Hoàng Văn Tuấn, bà Lương Chi Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Hải H, sinh năm: 1991

Bị đơn: Anh Lương Công Q, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn LT, xã TT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Chị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Chị Cao Thị Hải H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Công Q đăng ký kết hôn ngày 17-12-2009 tại UBND xã TT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn đã được anh chị hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Công Q.

Về nuôi con: Chị và anh Q có 02 con chung là Lương Minh H, sinh ngày 22-02-2011 và Lương Minh Th, sinh ngày 03-01-2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh Th, giao anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương

Minh H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh Lương Công Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 17-12-2009 tại UBND xã TT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày, dẫn đến xung đột, cãi vã nhau, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, do áp lực công việc nên anh có mắng chửi vợ. Sau khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hai bên hòa giải nhưng đến nay vẫn chưa cải thiện được. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị H kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Về nuôi con: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Tại bản tự khai anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu, tại phiên hòa giải ngày 05-3-2024, anh đồng ý với ý kiến của chị H về nuôi con, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh H, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh Th, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh thay đổi ý kiến về việc nuôi con: Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh cho rằng chị H hiện không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và cháu Th có nguyện vọng được ở với bố để thuận tiện cho việc nuôi dưỡng chăm sóc cháu.

Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung vợ chồng là 63.000.000đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn; bị đơn anh Lương Công Q có hộ khẩu thường trú tại xã TT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị Hải H kết hôn với anh Lương Công Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17-12-2009 tại UBND xã TT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đều xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị H trình bày, quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh Q cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày, dẫn đến xung đột, cãi vã nhau, do áp lực công việc, anh có mắng chửi chị. Anh chị đều xác định sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện được. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Anh Q không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh cũng đưa ra được biện pháp hàn gắn để cải thiện tình cảm vợ chồng, trường hợp chị H kiên quyết ly hôn, anh cũng đồng ý. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con:

Chị Cao Thị Hải H và anh Lương Công Q có 02 con chung là Lương Minh H, sinh ngày 22-02-2011 và Lương Minh Th, sinh ngày 03-01-2017. Tại Biên bản hòa giải ngày 05-3-2024, anh chị đều đề nghị: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh Th, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Lương Công Q thay đổi ý kiến về việc nuôi con, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con vì anh cho rằng hiện chị H không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con và đề nghị HĐXX cho phép cháu H, cháu Th được trình bày nguyện vọng về việc nuôi dưỡng. HĐXX chấp nhận cho các được trình bày nguyện vọng. Cháu H vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ở với bố, cháu Th thay đổi nguyện vọng từ ở với mẹ sang nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn vì cháu trình bày bố có điều kiện chăm sóc tốt hơn.

Xét yêu cầu khởi kiện về nuôi con của chị H, HĐXX nhận định: Tại khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động, không có tài*

sản tự nuôi mình”. Mặc dù tại phiên tòa cháu Th thay đổi nguyện vọng nuôi dưỡng, tuy nhiên cháu Th hiện còn nhỏ tuổi, là con gái, nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, chị H có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th là quyền lợi chính đáng của chị, phù hợp quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần giao cháu Th cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cháu. Giao cháu H cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và đảm bảo quyền của cha mẹ trong việc nuôi dưỡng con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về nuôi con. Anh Q đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con vì cho rằng chị H không có đủ điều kiện nuôi trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Tại phiên tòa, anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung vợ chồng 63.000.000đồng, xét yêu cầu của anh đưa ra sau thời điểm Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên HĐXX không xem xét trong vụ án này, tuy nhiên, anh có quyền khởi kiện bằng vụ án độc lập khác khi có yêu cầu.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Cao Thị Hải H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị Hải H được ly hôn anh Lương Công Q

2. Về nuôi con: Giao cho Chị Cao Thị Hải H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Minh Th, sinh ngày 03-01-2017. Giao cho anh Lương Công Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Minh H, sinh ngày 22-02-2011, cho đến khi cháu H, cháu Th đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cao Thị Hải H chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về

việc ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000173 ngày 19-12-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị H đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND xã Tân Thịnh, TP Yên Bái;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Văn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Văn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND xã Tân Thịnh, TP Yên Bái;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Văn